

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2017/HSST
Ngày: 28/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Chi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Sương – Chủ tịch Liên đoàn lao động huyện Tam Bình.
2. Ông Phan Kiên Nhân – Cán bộ hưu trí huyện Tam Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Kim Huyền – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình tham gia phiên tòa:
Ông **Lê Hoàng Thành** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở **Tòa án nhân dân huyện Tam Bình** xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 25/2017/HSST ngày 25 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo: **Trần Thanh T**, sinh năm 1989; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Ấp M, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 3/12; Con ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị T; Anh chị em ruột có 04 người (lớn nhất sinh năm 1985, nhỏ nhất sinh năm 1992); Tiền sự: Không; Tiền án: Có 01 tiền án: Ngày 10/6/2016 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 06 (sáu) tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong hình phạt ngày 20/01/2017.

Bị cáo hiện tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

* Người bị hại: Ông **Võ Văn K**, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã N, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Trần Văn H**, sinh năm 1960 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

2. Anh **Nguyễn Lê Minh C**, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà N tổ Z, ấp Y, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Trần Thanh T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình truy tố về hành vi phạm tội như sau: Khoảng 18 giờ ngày 06/5/2017, bị cáo T điều khiển xe mô tô biển số 61N8 - 4233 đi trên đường Hương lộ 26/3 hướng từ xã B đến xã N. Khi T điều khiển xe đi ngang nhà anh Võ Văn K thì phát hiện trước hành lang nhà anh K có để một kết bia Sài Gòn đỏ (đã qua sử dụng) nên nảy sinh ý định lấy trộm để bán lấy tiền tiêu xài. T quay xe lại đậu cặp lề lộ trước nhà anh K rồi đi bộ vào lấy kết bia cầm đi ra nơi đậu xe. Khi chưa kịp lên xe thì bị cáo T bị NLC1, ngụ ấp A, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (gần bên nhà anh K) phát hiện, truy hô và cùng anh K bắt giữ bị cáo T cùng tang vật là: 01 giỏ bia bằng nhựa màu đỏ, có ghi dòng chữ bia Sài Gòn, bên trong có 20 chai bia (loại chai thủy tinh) đã qua sử dụng và xe mô tô biển số 61N8 - 4233, loại xe Wave, màu xanh. Bị cáo Trần Thanh T đã có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản, bị Tòa án nhân dân huyện T xét xử 06 tháng tù vào ngày 10/6/2016, chấp hành xong ngày 20/01/2017. Bị cáo không biết ăn năn hối cải mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội.

Tại kết luận số: 76/KL.HĐĐGTS, ngày 31/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tam Bình xác định: 01 kết bia Sài Gòn (kết nhựa + 20 vỏ chai thủy tinh đã qua sử dụng) có giá trị còn lại tại thời điểm xảy ra mất trộm là: 30.000 đồng (Ba mươi ngàn đồng).

Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tam Bình đã thu hồi và trả lại tài sản bị mất trộm cho anh Võ Văn K, anh K không có yêu cầu gì thêm.

Đối với xe mô tô biển số 61N8 - 4233 bị cáo T dùng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, quá trình điều tra đã xác định rõ đây là tài sản của ông Trần Văn H (cha của bị cáo). Ông H không hay biết việc bị cáo T sử dụng làm phương tiện để đi phạm tội nên đã trả lại cho ông H là đúng quy định pháp luật.

Tại cáo trạng số: 25/KSĐT ngày 24/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình đã truy tố bị cáo Trần Thanh T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

- Kiểm sát viên trình bày luận tội, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. Đồng thời Phân tích, đánh giá hành vi phạm tội của bị cáo. Trên cơ sở đó, Kiểm sát viên đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm g, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 33 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo T 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra công khai; và kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Lời khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai người bị hại, Biên bản hỏi cung bị can và Biên bản sự việc cùng các tài liệu chứng

cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa thể hiện: Vào khoảng 18 giờ, ngày 06/5/2017, bị cáo Trần Thanh T đã có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích đã lén lút vào nhà của anh Võ Văn Ki để lấy trộm một kết bia Sài Gòn đỏ đã qua sử dụng có giá trị còn lại là 30.000 đồng.

Bị cáo trộm cắp tài sản có giá trị là 30.000^d (ba mươi ngàn đồng) về định lượng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nhưng bị cáo có 01 tiền án và chưa được xóa án tích nên hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” đúng theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự như truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ.

Lời nhận tội của bị cáo còn phù hợp với lời khai của người bị hại, biên bản hỏi cung bị can và biên bản sự việc xảy ra cùng với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu để lén lút chiếm đoạt tài sản bằng hành vi trộm cắp. Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, đồng thời xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, làm mất trật tự trị an ở địa phương. Bị cáo biết rõ trộm cắp tài sản của người khác là trái pháp luật nhưng vì mục đích vụ lợi muốn chiếm đoạt tài sản của người khác thành của riêng mình nên khi lượng hình cần xử bị cáo một mức án thật nghiêm, tương xứng với hành vi và mức độ phạm tội của bị cáo để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân tốt cũng nhằm răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, bị cáo sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; gia đình của bị cáo có công với cách mạng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự và cũng được xem xét áp dụng khi lượng hình.

- Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Áp dụng khoản 3 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Ông Võ Văn K đã nhận lại tài sản xong và không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Ông Trần Văn H không hay biết việc bị cáo Thế sử dụng xe mang biển số 61N8 - 4233 làm phương tiện để đi phạm tội nên Công an huyện Tam Bình trả lại cho ông H là đúng quy định pháp luật. Ông H không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng theo quy định tại Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo T phải chịu 200.000^d (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản” .

Áp dụng khoản 1 Điều 138; Điều 33; điểm g, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

1. Xử phạt: Bị cáo Trần Thanh T 09 (Chín) tháng tù.

Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Ông Trần Văn H không hay biết việc bị cáo T sử dụng xe mang biển số 61N8 - 4233 làm phương tiện để đi phạm tội nên Công an huyện Tam Bình trả lại cho ông H là đúng quy định pháp luật. Ông H không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 3 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Ông Võ Văn K đã nhận lại tài sản xong và không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Thanh T phải nộp số tiền 200.000^d (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với những người tham gia tố tụng khác vắng mặt, thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- Công an huyện Tam Bình;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Sở tư pháp;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Thị Hồng Chi